CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2024

CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2

Ngày 28/06/2024	21,700 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-8.1%	**-**	**-6.7%**

DT thuần
Q2/24
2,186
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1,924| 734%
YoY: ▲ 3.00| 0.1%

LN thuần
Q2/24
122
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 351| 153%
YoY: ▼35.0| -22.5%

LN sau thuế
Q2/24
122
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 280| 177%
YoY: ▼22.0| -15.1%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/24
6.0%
YoY: +/-▲ 64.4%

ROE (TTM)
Q2/24
1.8%
YoY: +/-▼ 0.6%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	21,050 - 29,229
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	6,247
Số lượng CPLH (CP)	287,876,029
KLGD BQ 20 phiên (CP)	956,785
Sở hữu nước ngoài	12.9%
Beta	0.87
EPS	279
P/E	77.7

DT thuần
6T 2024
2,448
tỷ VNĐ
YoY: ▼1,918| -43.9%

LN thuần
6T 2024
-107
tỷ VNĐ
YoY: ▼511| -127%

LN sau thuế
6T 2024
-36.0
tỷ VNĐ
YoY: ▼414| -110%

Cơ cấu sở hữu

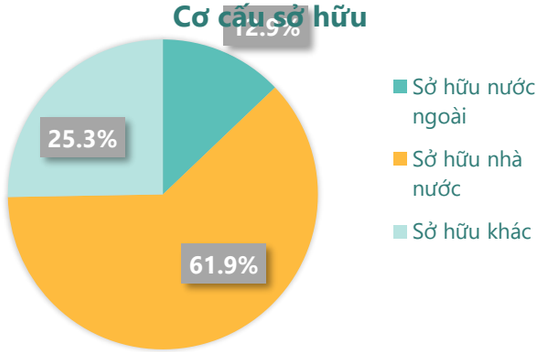

(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá

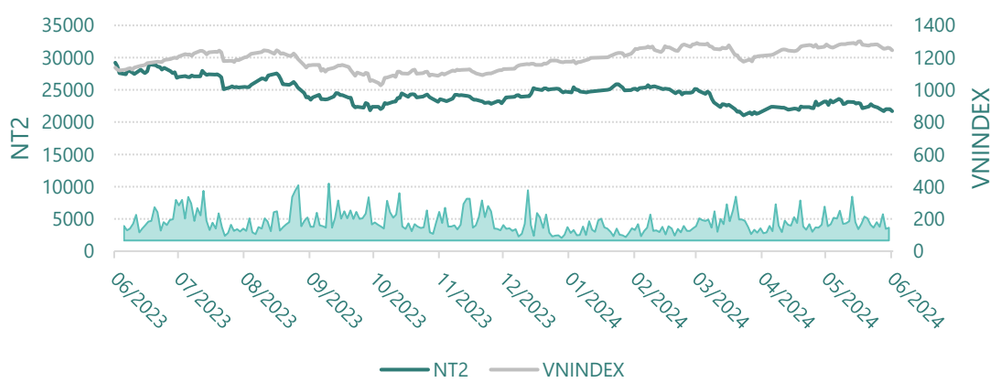

Cơ cấu cổ đông

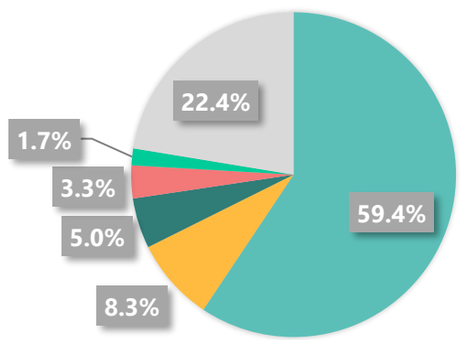

- Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP
- Công ty TNHH Phát triển công nghệ
- Samarang UCITS - Samarang Asian Prosperity
- Apollo Asia Fund Ltd
- Panah Master Fund
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp

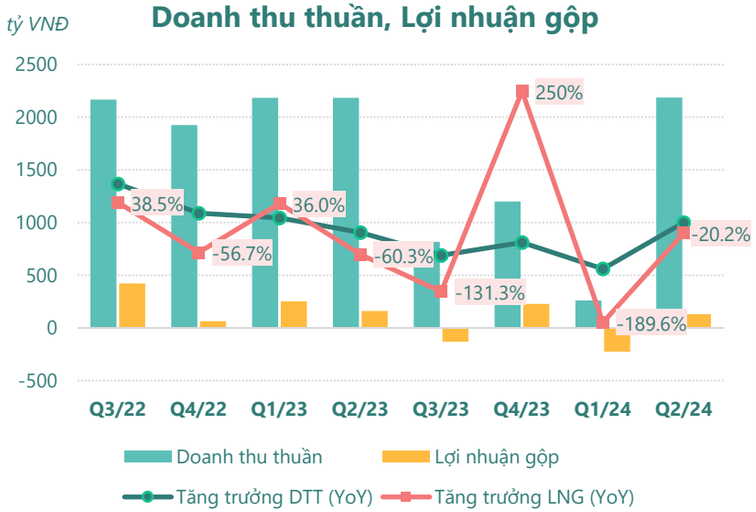

(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận

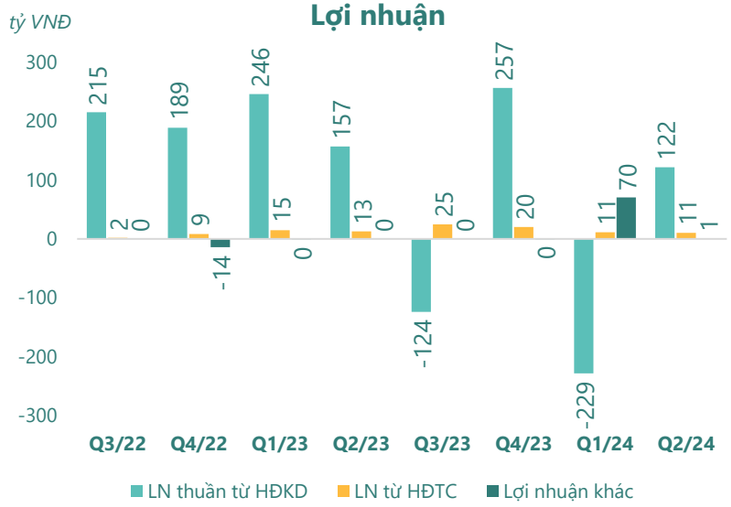

(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí

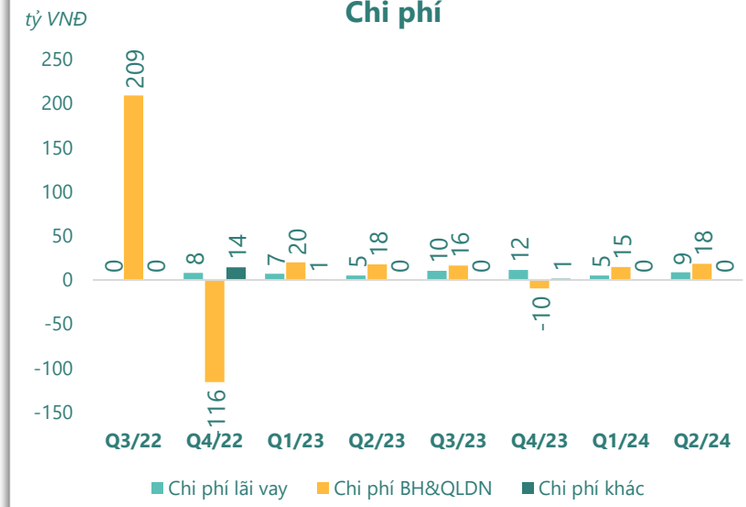

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận

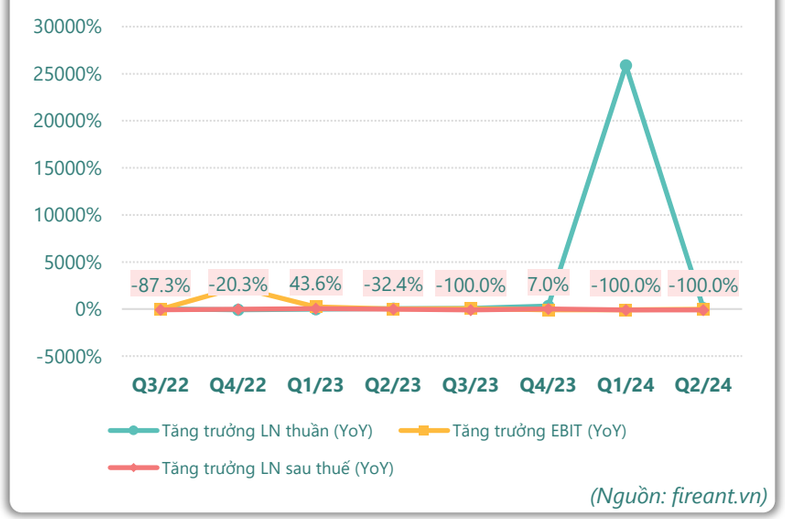

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

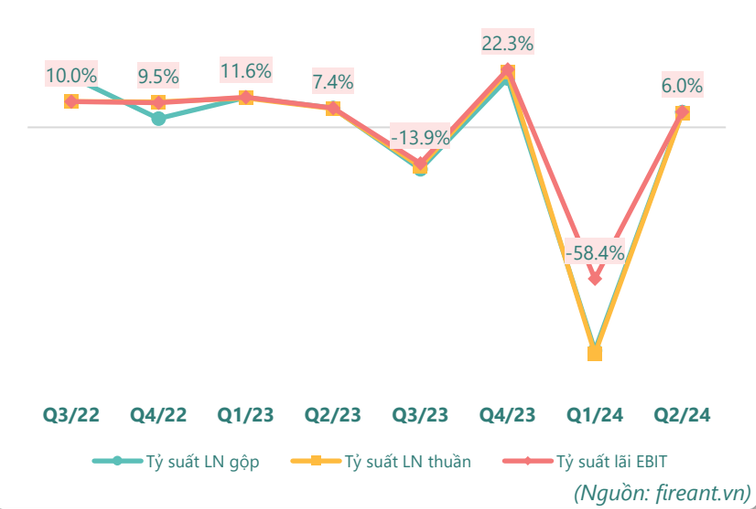

(Nguồn: fireant.vn)

Cổ tức

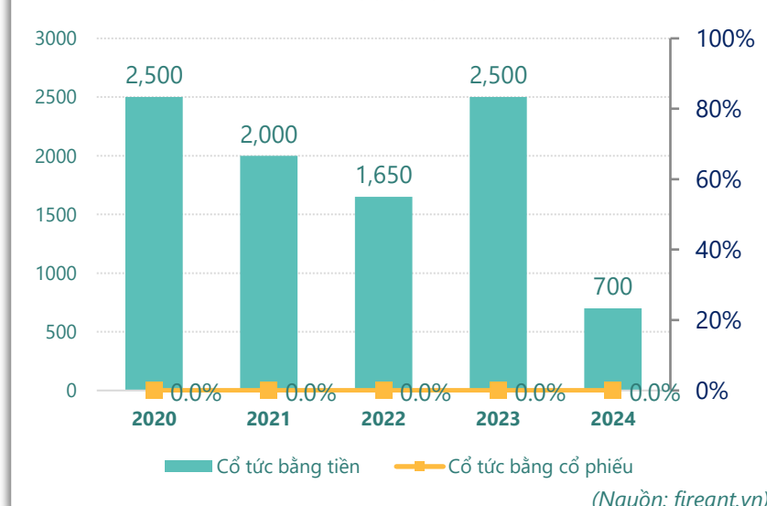

(Nguồn: fireant.vn)

TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

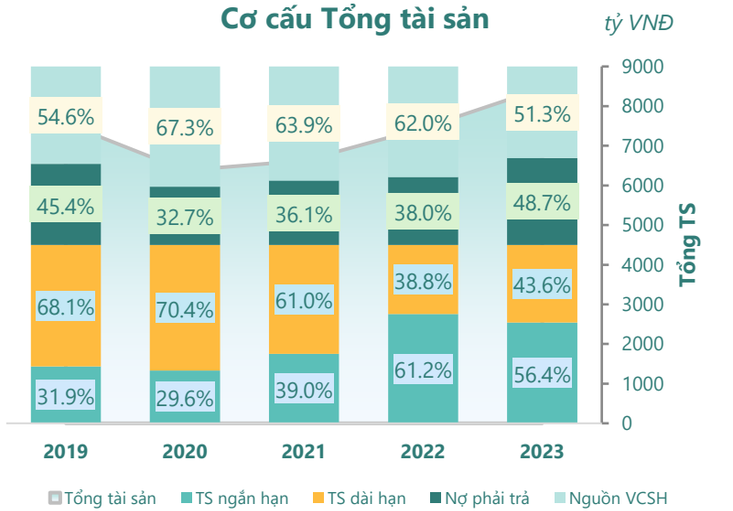

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

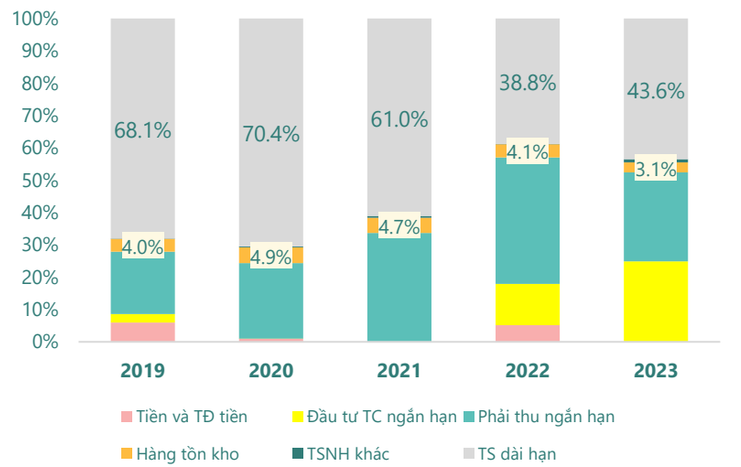

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

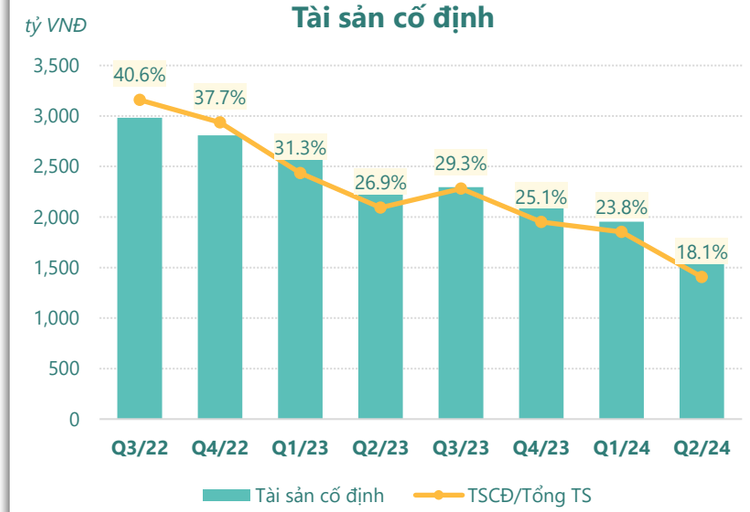

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

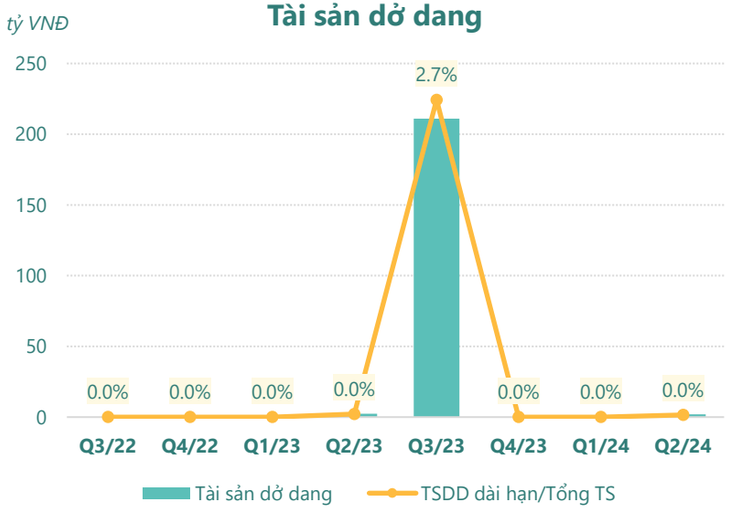

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

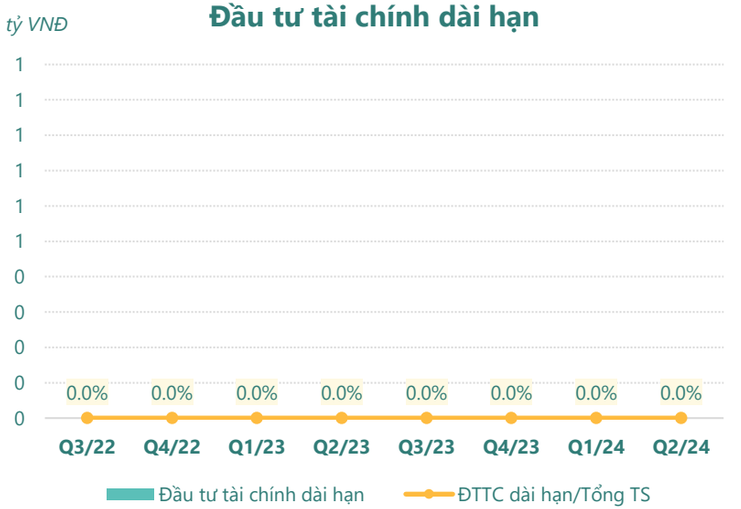

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

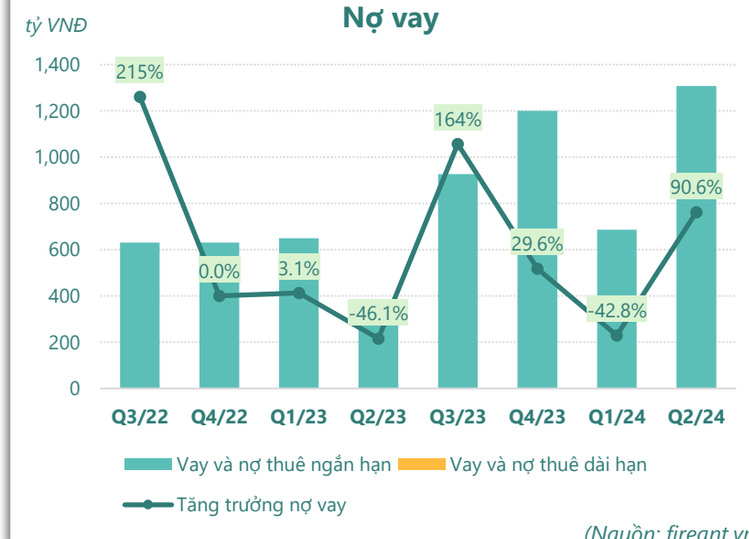

(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH

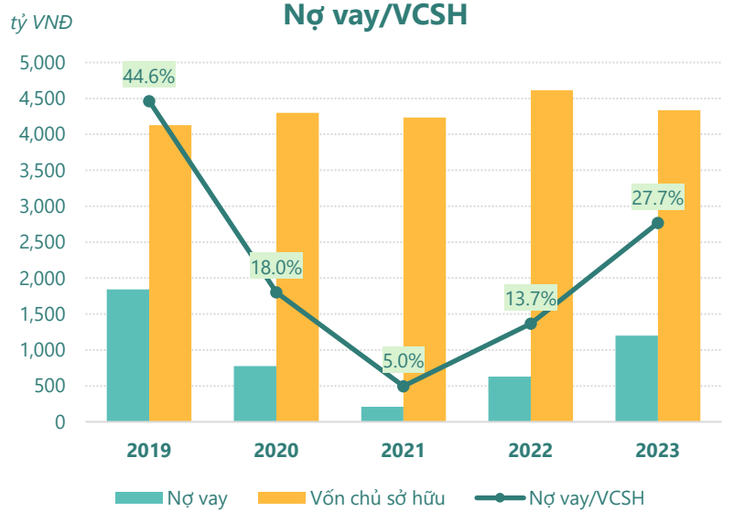

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

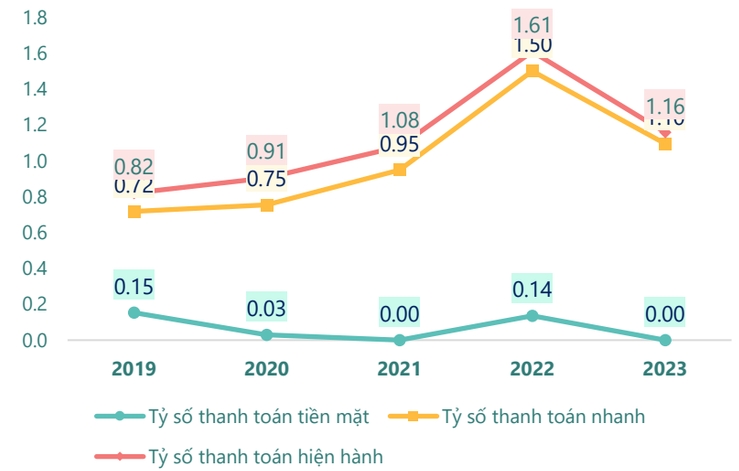

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

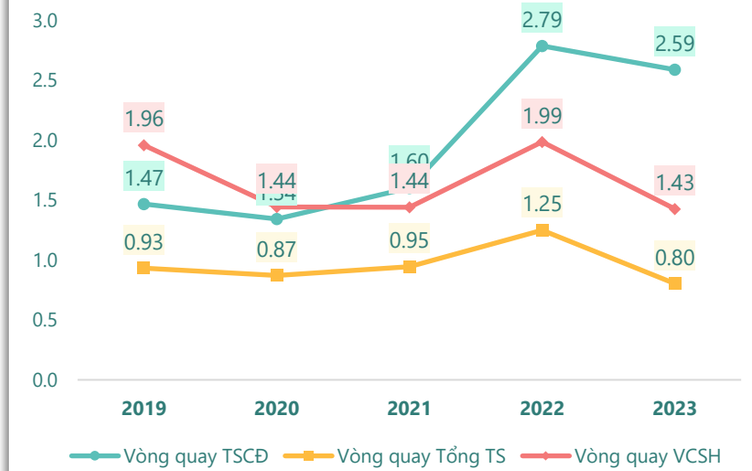

(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay

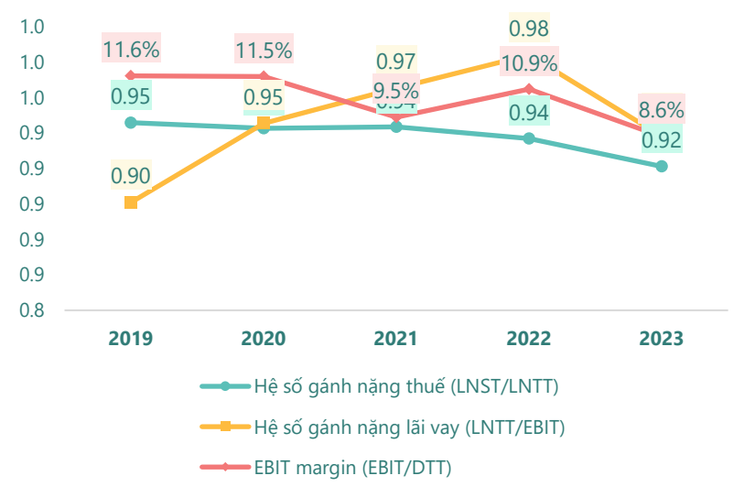

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE

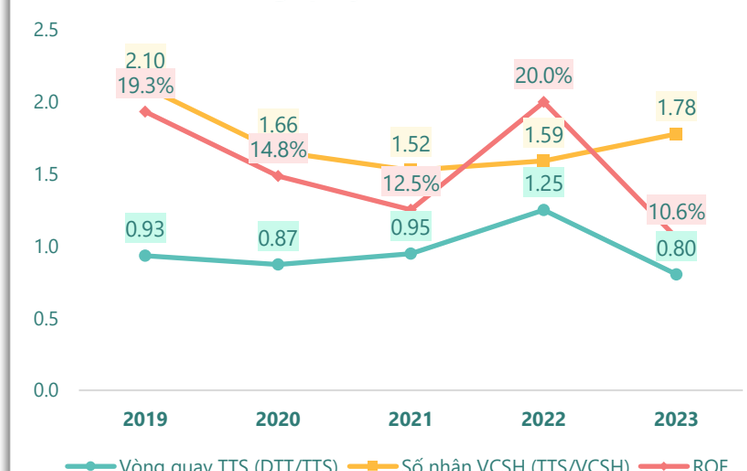

(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn

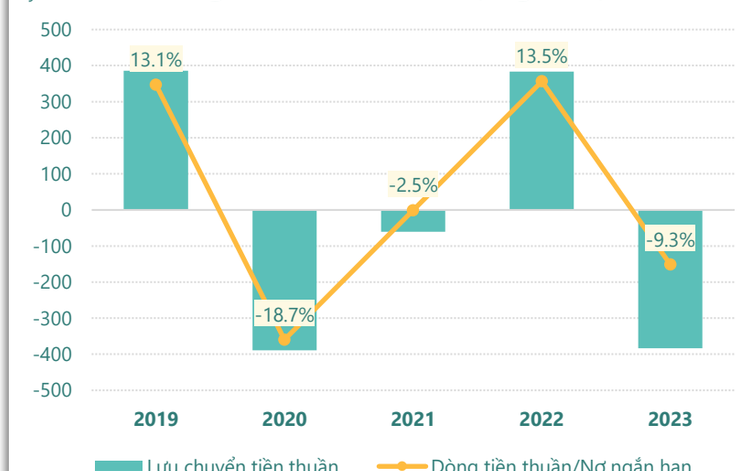

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**2,186**	**2,183**	**0.1%**	**2,448**	**4,366**	**-43.9%**
Giá vốn hàng bán	2,057	2,021	1.8%	2,544	3,952	-35.6%
Lợi nhuận gộp	130	162	-20.1%	-95.9	414	-123%
Doanh thu HĐTC	19.2	17.5	9.7%	38.6	39.5	-2.4%
Chi phí TC	8.69	4.92	76.7%	16.6	12.0	37.9%
Chi phí lãi vay	8.66	4.92	75.9%	13.8	12.0	14.6%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**18.4**	**17.7**	**4.0%**	**33.1**	**37.8**	**-12.3%**
LN thuần từ HĐKD	122	157	-22.5%	-107	404	-127%
Lợi nhuận khác	**0.57**	**0.16**	**256%**	**71.1**	**-0.16**	**43629%**
LN trước thuế	122	157	-22.2%	-36.0	403	-109%
Lợi nhuận sau thuế	**122**	**144**	**-15.1%**	**-36.0**	**378**	**-110%**
LNST của CĐ cty mẹ	**122**	**144**	**-15.1%**	**-36.0**	**378**	**-110%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-56.8	310	272	331	-226	204
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-58.5	264	-627	-669	947	-796
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-268	-300	144	274	-715	622
Tiền đầu kỳ	384	0.99	276	65.3	1.15	6.97
Lưu chuyển tiền thuần	**-383**	**275**	**-211**	**-64.2**	**5.82**	**28.7**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.99	276	65.3	1.15	6.97	35.7

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**9,865**	**8,451**	**16.7%**
Tài sản ngắn hạn	5,595	4,770	17.3%
Tiền và tương đương tiền	35.7	1.15	2998%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2,017	2,100	-3.9%
Phải thu ngắn hạn	2,977	2,326	28.0%
Hàng tồn kho	332	260	27.7%
Tài sản ngắn hạn khác	232	82.7	181%
Tài sản dài hạn	**4,269**	**3,681**	**16.0%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	1,783	2,125	-16.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.88	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**2,485**	**1,556**	**59.7%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	5,795	4,115	40.8%
Nợ ngắn hạn	**5,795**	**4,115**	**40.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,308	1,200	9.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	3,318	1,680	97.5%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**4,070**	**4,336**	**-6.1%**
Vốn chủ sở hữu	**4,070**	**4,336**	**-6.1%**
Vốn điều lệ	2,879	2,879	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)